

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tài

2. Ông Lê Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐTS-HNGĐ, ngày 10/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Vào năm 2018 chị và anh Nguyễn Minh P xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C vào ngày 30/8/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020 hiện đang sống chung với chị C. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung, không nợ ai và

không ai nợ vợ chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu quan điểm, tính tình không hợp hay cự cãi với nhau, từ đó không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã không sống chung với nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

- *Về con chung*: Tên Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị C không tranh chấp, không khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc C.

- *Về con chung*: Theo chị C trình bày thì vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020. Sau khi anh và chị C kết hôn và sống chung với nhau được khoảng gần một tháng thì chị C bỏ nhà đi cho đến nay nên bé Quế A không phải con anh P. Anh P yêu cầu được đưa cháu đi xét nghiệm AND nếu con anh thì anh sẽ nuôi và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Anh P không tranh chấp, không khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung tên Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh P đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung: Anh thừa nhận cháu Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020 là con chung của anh và chị C, anh P đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không đồng ý theo yêu cầu của chị C mà chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, vì hiện nay anh đang cấp dưỡng nuôi một con riêng của anh hàng tháng là 1.000.000 đồng và còn phải nuôi mẹ già trên 70 tuổi không còn khả năng lao động và thường bệnh

tật hàng tháng phải lên Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị khám chữa bệnh. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chị C và anh P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng, chị C yêu cầu được ly hôn và anh P cũng thống nhất ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị C và anh P. Về con chung: Tại phiên tòa anh P thừa nhận bé Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020 là con chung của anh và chị C, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn và anh P thống nhất để chị C tiếp tục nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Quế A cho chị C được quyền chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau, xét thấy chị C và anh P có mức thu nhập hàng tháng ổn định nhưng hiện nay anh P đang sống chung và nuôi mẹ già thường hay bệnh tật, ngoài ra anh P còn nghĩa vụ cấp dưỡng cho một người con riêng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thu nhập của anh P và đảm bảo nuôi con chung. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Chị C và anh P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị C phải chịu, về án phí cấp dưỡng nuôi con anh P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị C làm đơn khởi kiện anh P yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh P, chị xin được quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn*” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C: Chị C trình bày quá trình chung sống không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp hay cự cãi với nhau, từ đó không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa và đồng ý ly hôn với chị C. Xét thấy hôn nhân giữa chị C và anh P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị C và anh P thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị C và anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Tại phiên tòa chị C và anh P thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020 hiện đang sống chung với chị C, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn và anh P thống nhất giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu Quế A đang sống chung với chị C, từ khi sống ly thân chị C nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị và con gắn bó hơn, do đó việc giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu Quế A có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa chị C yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh P chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, do chị C và anh P không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha, mẹ. Anh P có mức lương thu nhập hàng tháng ổn định khoảng hơn 9.000.000 đồng/tháng còn chị C có mức thu nhập ổn định khoảng hơn 5.000.000 đồng/tháng, theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, về mức cấp dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì “mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”, tuy nhiên hiện nay anh P đang nuôi mẹ ruột đã lớn tuổi không có thu nhập và thường hay ốm đau hàng tháng phải lên Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị khám chữa bệnh, ngoài ra anh còn nghĩa vụ cấp dưỡng cho một người con riêng của anh hiện nay hơn 10 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014 buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng /tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thu nhập của anh P và đảm bảo nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh P không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 235, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh P.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc C là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 24/3/2020, khi ly hôn

+ Anh Nguyễn Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q A mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Quế A đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/5/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh P không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013152, ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Nguyễn Thị Ngọc C đã nộp đủ án phí.

- Anh Nguyễn Minh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Hiệp Mỹ Tây;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh